

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 13 /2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày .M. tháng ..J. năm 2022 và thay thế Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VBQPPL*);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (*để giám sát*);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Bạc Liêu; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, (TQ61).



Phạm Văn Thiệu

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Kèm theo Quyết định số: 13 /2022/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công kênh và chất thải nguy hại.

2. Quy định này không áp dụng cho quản lý chất thải rắn xây dựng; nội dung quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng; những nội dung về hoạt động quản lý chất thải rắn không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Yêu cầu chung về quản lý chất thải rắn

Việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chương II

**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT,
CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG,
CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT,
CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN CÔNG KÈNH**

Mục 1

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 4. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều 60 và Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Quyền và trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Mục 2

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Điều 10. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 13. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 14. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Mục 3

QUẢN LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT

Điều 15. Quy định chung về quản lý chất thải rắn phải kiểm soát

Chất thải rắn phải kiểm soát được phân loại theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại; trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật đối với một số tính chất và thành phần nguy hại nhất định thì áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển và thực hiện trách nhiệm quản lý theo quy định tại Mục 2 (*Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường*) hoặc Mục 4 (*Quản lý chất thải nguy hại*) của Quy định này.

Mục 4

QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 16. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại

Việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại

Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 72, Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 19. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại

Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 20. Yêu cầu kỹ thuật về bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ xử lý chất thải nguy hại

Yêu cầu kỹ thuật về bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ xử lý chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 21. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Mục 5

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG KÈNH

Điều 22. Quy định chung về quản lý chất thải rắn công kênh

1. Chất thải rắn công kênh (là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây...) được vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (gọi chung là chủ nguồn thải) có thể tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn để yêu cầu dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận nhưng phải đảm bảo thực hiện đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của chủ nguồn thải và đơn vị thu gom vận chuyển chất thải rắn công kênh được thực hiện theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Mục 6

TUYẾN ĐƯỜNG, THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN

Điều 23. Tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn

1. Tuyến đường

a) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định;

b) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định;

c) Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải xử lý được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định.

2. Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động từ 22 giờ đến 05 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội ô thành phố Bạc Liêu và từ 20 giờ đến 05 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội ô của phường, thị trấn các huyện, thị xã *(riêng đối với việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh tùy vào tình hình thực tế Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thời gian thu gom phù hợp đảm bảo theo quy định)*.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 24. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì tổ chức quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về mặt quản lý nhà nước đối với hoạt động liên quan đến lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với hoạt động trung chuyển, vận chuyển và xử lý; giám sát việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến xử lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn trình tự, thủ tục về bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý chất thải rắn; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

4. Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền có liên quan đến quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc thẩm quyền có liên quan về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

7. Định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 25. Sở Xây dựng

1. Chủ trì thẩm định, trình duyệt quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thẩm định quy hoạch, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan lập phương án giá gửi Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, công bố định mức kinh tế - kỹ thuật; đơn giá về thu gom, vận chuyển và phê duyệt phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng; hướng dẫn việc quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan trong việc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định khác của pháp luật.

2. Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan thông tin giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ mới trong việc xử lý chất thải rắn.

3. Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan có ý kiến về công nghệ các phương án tái chế xử lý chất thải rắn của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

4. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác, vệ sinh môi trường trong trường học và các cơ sở giáo dục; tích hợp, lồng ghép nội dung phân loại rác thải tại nguồn, vệ sinh môi trường vào chương trình

chính khóa một số môn học và các hoạt động ngoại khóa với hình thức, nội dung phù hợp với từng cấp học.

5. Phát động học sinh tham gia các hoạt động, cuộc thi tìm hiểu về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường do các ban ngành ở địa phương tổ chức.

Điều 27. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chi tiết về việc thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn phát sinh trong các hoạt động nông nghiệp (*chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp ...*).

2. Hướng dẫn việc quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và các công trình thủy lợi.

3. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng bùn thải làm phân bón cho cây trồng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình thủy lợi.

4. Hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện lồng ghép nội dung thu gom rác thải và vệ sinh môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 28. Sở Y tế

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan quy định chi tiết, hướng dẫn việc phân loại, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên các cơ sở y tế theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn tỉnh phù hợp với phong tục, tập quán và đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hướng dẫn bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường của chất thải rắn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 29. Sở Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình giao thông bảo đảm phù hợp với quy định.

2. Chủ trì chỉ đạo kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 30. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách

nhà nước cho các đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ để cơ quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành về công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn của các đơn vị sự nghiệp do nhà nước quản lý; căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho việc xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do Nhà nước quản lý và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn, trên cơ sở căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 31. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư đến nhà đầu tư góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn.

2. Phối hợp với các đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức kêu gọi nhà đầu tư, đầu tư thực hiện các dự án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 32. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng thuộc Công an tỉnh, Công an cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng phòng ngừa, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 33. Sở Công Thương

1. Chủ trì chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

2. Chủ trì, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng về giảm thiểu rác thải nhựa và vệ sinh môi trường tại các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống...

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (*gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm*) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn tỉnh.

Điều 34. Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch

1. Hướng dẫn các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thu gom rác thải, vệ sinh môi trường, đặc biệt tăng cường tuyên truyền Tháng hành động vì môi trường; đồng thời nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch; phát triển cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch thân thiện môi trường theo khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định về khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

Điều 35. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

Điều 36. Ban Quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm tỉnh Bạc Liêu

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan thực hiện các quy định về môi trường trong tiêu chí tuyển chọn dự án đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm (*đặc biệt lưu ý đến công nghệ xử lý bùn thải, vỏ đầu tôm trong quá trình nuôi của dự án...*).

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên tập huấn, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu nông nghiệp.

3. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm. Kiên quyết không cấp phép đầu tư các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ lạc hậu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm.

Điều 37. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với chất thải rắn trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn và thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn quản lý.

2. Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

3. Tổ chức lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó ưu tiên bố trí các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn cấp huyện ít nhất 03 xe chuyên dụng đảm bảo thu gom triệt để chất thải rắn phát sinh hàng ngày.

4. Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

7. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

8. Giám sát thành phần và khối lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn; kiểm tra, giám sát vệ sinh trong các hoạt động thu gom, vận chuyển trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đối với chất thải rắn.

9. Bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

10. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải rắn.

11. Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý chất thải rắn trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 38. Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với chất thải rắn trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn, cụ thể như sau:

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 58; khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

3. Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

4. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thu gom và bỏ rác đúng nơi quy định.

5. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn; định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

6. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính các trường hợp thải bỏ chất thải không đúng quy định theo thẩm quyền và phản ánh kịp thời cho cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định.

7. Bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển.

8. Đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng các trường hợp cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc đề xuất, góp ý các vấn đề liên quan đến chất thải rắn nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

9. Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý chất thải rắn trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN, XÂY DỰNG CẢNH QUAN, MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Điều 39. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải rắn, xây dựng cảnh quan và môi trường nông thôn

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn, xây dựng cảnh quan và môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại khoản 6 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường, tại các Điều 131, 132, 133, 134, 135, 137 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Không khuyến khích đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã.

3. Đối với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn khác đảm bảo thực hiện tốt tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quy định này về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 41. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.